HOANGSA.ORG
(Biên tập theo sách cùng tên của NXB Trẻ)

HOÀNG SA, TRƯỜNG SA LÀ CỦA VIỆT NAM

Sưu tập những báo cáo khoa học, bài báo và tư liệu mới về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Trung Tâm Dữ Liệu Hoàng Sa

"Đất nước Việt Nam có khi thịnh khi suy, lịch sử Việt Nam có khi hưng khi phế, thế hệ trước không giữ được Hoàng Sa nhưng không phải vì thế mà Hoàng Sa trở thành đất của Trung Quốc hay của bất cứ một quốc gia nào khác. Dân tộc Việt Nam, các thế hệ Việt Nam hôm nay và mai sau phải nhớ rằng: Bất cứ khi nào các điều kiện kinh tế, chính trị và quân sự cho phép, một trong những việc đầu tiên là phải lấy lại Hoàng Sa."

HOÀNG SA, TRƯỜNG SA LÀ CỦA VIỆT NAM

Tác giả:
Nguyễn Nhã -Từ Đặng Minh Thu- Lê Minh Nghĩa….

Thế Duyệt biên tập theo sách "Hoàng Sa,Trường Sa là của Việt Nam" của NXB Trẻ

©2007-2008 HoangSa.ORG

Lời nói đầu:

Nội dung cuốn sách là tập hợp một số bài nghiên cứu, bài báo và những tư liệu mới của các nhà sử học và các nhà nghiên cứu, chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, xét về mặt lịch sử và luật pháp quốc tế. Cuốn sách cũng đề cập tới bối cảnh của cuộc tranh chấp hiện nay đối với hai quần đảo này nói riêng và Biển Đông nói chung, cũng như những ý kiến về một giải pháp cho cuộc tranh chấp phù hợp với luật pháp quốc tế. Kèm theo đó là những tư liệu liên quan….

Trong bản lần này,chúng tôi dựa trên nền các bài viết được tập hợp trong quyển sách “Hoàng sa-Trường sa là của Việt Nam”,tuy nhiên do một số bài viết chúng tôi không tìm được trên mạng nên đành phải thay thế bằng các bài viết khác.Vì vậy quyển sách này không hoàn toàn giống quyển sách của NXB Trẻ đã phát hành.

Chúng tôi mong được nhận xét,góp ý của các bạn độc giả để trong thời gian tới có thể ra mắt bản đầy đủ,phong phú và có tính chọn lọc hơn nữa.

TPHCM,12/03/2008
Mai Thế Duyệt

Trung Tâm Dữ Liệu Hoàng Sa

Lời tựa cho Trung tâm dữ liệu Hoàng Sa

Trung Quốc từ xưa đến nay là một nước luôn luôn có tư tưởng bành trướng. Từ tổ tiên của họ đến con cháu ngày nay luôn tìm cách cướp đất đai của Việt Nam. Còn nhớ có một lần Trung Quốc lấy cớ có hài cốt của người Trung Quốc ở vùng đất hoàn toàn thuộc Việt Nam và có ý định bắt Việt Nam ta "trao trả lại". Nhưng một quan chức Việt Nam đã trả lời rất sắc sảo rằng: "Nếu Trung Quốc nghĩ rằng mảnh đất đó của Trung Quốc là do có hài cốt của người Hoa. Vậy tại sao Trung Quốc không nhận Gò Đống Đa - Hà Nội là đất của mình. Nơi đó là nấm mồ của 29 vạn người Tàu đấy". Nhìn lại lịch sử của mình, người Việt hẳn tự hào đã có 4000 năm dựng và giữ nước. Thời điểm này chính là lúc cần sự đoàn kết, phát huy truyền thống của tổ tiên để cùng nhau xây dựng một nước Việt Nam hùng mạnh, đập tan mọi ý đồ xâm lược của kẻ thù...

Chúng ta mất Hoàng Sa và Trường Sa không phải do Trung Quốc mạnh và Việt Nam yếu mà là do tính đoàn kết trong dân tộc Việt Nam đang mất dần, nó sẽ trở thành thảm họa cho dân tộc, cho đất nước Việt Nam, nếu tiếp tục chia rẽ thì sẽ đến một ngày nước Việt Nam sẽ không còn tồn tại nữa, nước Việt sẽ về tay ngoại bang.
Đã đến lúc người Việt trong nước và trên toàn thế hãy đoàn kết lại với nhau thành một khối thống nhất, khôi phục lại tinh thần Đại Việt xưa, nhằm xây dựng một nước Việt Nam hùng cường xứng tầm với tổ tiên nước Việt ngàn năm để lại.
Trong lúc sức mạnh về quân sự chưa có, kinh tế đang còn yếu kém… thì Internet sẽ là thứ vũ khí lợi hại nhất, một sức mạnh vô hình lớn nhất của nhân lại loài người trong thế kỷ 21 này, Internet sẽ đem lại sự gần gũi cảm thông giữa người Việt trong và ngoài nước, Internet sẽ đem lại sự đoàn kết cho dân tộc Việt, Internet sẽ làm nên "dậy sóng" ở biển Đông nhấn chìm "bạo Tần" thế kỷ 21.

Chúng ta hãy lập blog để lưu giữ, trao đổi tài liệu biển đông, kêu gọi sự đoàn kết, bảo vệ Hoàng Sa và Trường Sa.

Tất cả chúng ta rồi một ngày sẽ chết đi, nhưng những tư liệu đó, những tâm tư đó, những tấm gương yêu nước vẫn mãi còn đó, nước Việt phải phát triển, giòng giống vua Hùng phải hùng mạnh, phải đi lên xứng tầm là quốc gia chí khí Đại Việt ngàn xưa.

Ban biên tập.

MỤC LỤC

PHẦN I: CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA – CƠ SỞ LỊCH SỬ VÀ PHÁP LÝ QUỐC TẾ

Trường Sa và Hoàng Sa là của Việt Nam
Tiến sĩ sử học Nguyễn Nhã

Việc thực thi chủ quyền tại Trường Sa
và Hoàng Sa dưới triều Nguyễn
Tiến sĩ sử học Nguyễn Nhã

Sự thành lập và hoạt động của đội Hoàng Sa
từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX
Tiến sĩ sử học Nguyễn Nhã

Sự nhầm lẫn có chủ ý về Hiệp ước Pháp-Thanh 1887
Tiến sĩ Từ Đặng Minh Thu

PHẦN II: BỐI CẢNH VÀ GIẢI PHÁP CHO TRANH CHẤP TRÊN BIỂN ĐÔNG

Những vấn đề về chủ quyền lãnh thổ
giữa Việt Nam và các nước láng giềng
Lê Minh Nghĩa

Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa:
Thử phân tích lập luận của Việt Nam và Trung Quốc
Tiến sĩ Luật Từ Đặng Minh Thu,
Đại học Sorbonne.

Cần đưa vấn đề ra Tòa án Công lý Quốc tế
Tiến sĩ Vũ Quang Việt

PHẦN III: THƯƠNG LẮM HOÀNG SA-TRƯỜNG SA

Thương lắm Hoàng Sa
Blog Hoàng Sa

Tại sao Hoàng Sa?
Blog Klu

Hoàng Sa - tâm sự người trong cuộc
Bùi Thanh

Đứng trước Tổ quốc
Báo Du Lịch

Bắt đầu từ tọa độ nước Việt
Báo Hoa Học Trò

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Hành động của Trung Quốc ở Hoàng Sa và Trường Sa (biên niên)

Phụ lục 2: Công hàm của thủ tướng Phạm Văn Đồng

Phụ lục 3: Biên giới lãnh thổ là thiêng liêng
Thứ trưởng ngoại giao Việt Nam Vũ Dũng trả lời phỏng vấn báo chí

CÁC LINK WEBSITE THAM KHẢO

PHẦN I: CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA – CƠ SỞ LỊCH SỬ VÀ PHÁP LÝ QUỐC TẾ

Trường Sa và Hoàng Sa là của Việt Nam

TS NGUYỄN NHÃ

Một đảo lớn trong quần đảo Hoàng Sa. Trung Quốc đã ngang nhiên xây sân bay trên đảo

TT - Quyết định của Quốc vụ viện Trung Quốc thành lập thành phố cấp huyện Tam Sa thuộc tỉnh Hải Nam trực tiếp quản lý ba quần đảo, trong đó có quần đảo Tây Sa và Nam Sa, tức Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam, là hành động ngang ngược, bất chấp lẽ phải, chà đạp lên sự thật lịch sử về chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo ấy. Luận điểm đầu tiên của chính quyền tỉnh Quảng Đông khi công khai khảo sát Hoàng Sa mà Trung Quốc gọi là Tây Sa vào năm 1909, là cho rằng quần đảo "Tây Sa" là đất vô chủ (res nullius), hải quân tỉnh Quảng Đông cắm cờ trên đảo và bắn 21 phát súng đại bác tại một số đảo ở Hoàng Sa năm 1909.

Sau khi dùng vũ lực một cách bất hợp pháp cưỡng chiếm Hoàng Sa vào trung tuần tháng giêng năm 1974, Trung Quốc đã cố gắng tìm kiếm tài liệu để cố gán ghép bằng cách cắt xén, nếu cần thì xuyên tạc với sự đóng góp của các nhà học giả như Sử Lệ Tổ đưa ra luận điểm cho rằng "các đảo Nam Hải từ cổ xưa đến nay là lãnh thổ Trung Quốc", do nhân dân Trung Quốc "phát hiện sớm nhất", "kinh doanh sớm nhất", do chính phủ các triều đại Trung Quốc "quản hạt sớm nhất" và viện dẫn nhiều tài liệu lịch sử mang tính suy diễn để dẫn chứng *(Quang Minh Nhật Báo,* 24-11-1975).

Những luận cứ cố gán ghép

*** Những tư liệu phương Tây xác nhận về chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa:**

- Nhật ký trên tàu Amphitrite (năm 1701) xác nhận Paracels là một quần đảo thuộc về nước An Nam.
- *Le mémoire sur la Cochinchine* của Jean Baptiste Chaigneau (1769-1825) viết vào những năm cuối đời Gia Long (hoàn tất năm 1820) đã khẳng định năm 1816 vua Gia Long đã xác lập chủ quyền Việt Nam trên quần đảo Paracels.

Để minh chứng cho sự xác lập chủ quyền của mình ở Tây Sa tức Hoàng Sa của Việt Nam, Trung Quốc lại cũng đưa ra những luận điểm được coi là "vững mạnh nhất" như sau:

- *An Nam Đại Quốc Họa Đồ* của giám mục Taberd xuất bản năm 1838 khẳng định Cát Vàng (Hoàng Sa) là Paracels và nằm trong vùng biển của Việt Nam.
- *The Journal of the Asiatic Society of Bengal,* Vol. VI đã đăng bài của giám mục Taberd xác nhận vua Gia Long chính thức giữ chủ quyền quần đảo Paracels).
- *The Journal of the Geographycal Society of London* (năm 1849) GutzLaff ghi nhận chính quyền An Nam lập ra những trưng thuyền và một trại quân nhỏ để thu thuế ở Paracels...

1.

Trung Quốc khẳng định các đảo Nam Hải đã thuộc phạm vi quản hạt của Trung Quốc từ năm thứ 5 niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường năm 789. Đúng sử sách Trung Quốc như sách *Chư Phiên Chí* của Triệu Nhữ Quát có chép những thay đổi về qui chế hành chính từ đời Hán đến đời Tống, trong đó có việc Quỳnh Sơn, một quận của đảo Hải Nam thời đó (xin nhấn mạnh) - sau thuộc thành phố Hải Khẩu - được đặt thành "phủ đô đốc" vào năm thứ 5 niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường, tức năm 789.

Nhưng qua các sách *Đường Thư, Thái Bình Hoàn Vũ Ký, Dư Địa Kỷ Thăng* (1221), *Quảng Đông Thông* Chí (1842) thì vào năm thứ 5 niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường tại đảo Hải Nam chỉ thấy có chuyện kể viên đô đốc nhà Đường là Lý Phục mang quân sang lấy lại đảo Hải Nam sau hơn 100 năm dân bản địa nổi dậy làm chủ đảo và xin vua Đường đặt phủ đô đốc ở quận Quỳnh Sơn, không hề có chuyện "sáp nhập bất kỳ đảo ở biển Nam Trung Hoa vào đảo Hải Nam".

2.

Trung Quốc phái thủy quân đi "tuần tiễu", Trung Quốc đã viện dẫn các sự kiện để chứng minh. Trước hết về luận cứ "phái thủy quân tuần tiễu cương giới biển", luận chứng của nhóm Hàn Chấn Hoa chỉ dựa vào một đoạn trong sách *Vũ Kinh Tổng Yếu,* song những đoạn văn này hoàn toàn không chứng minh được lập luận "Trung Quốc phái thủy quân tuần tiễu quần đảo Tây Sa bắt đầu đời Tống".

Nhóm Hàn Chấn Hoa đã cố gán ghép hai đoạn văn vào với nhau gồm đoạn văn nói về lộ trình "Từ đồn Môn Sơn đến các nước Đại Thực, Phật Sư Tử, Thiên Trúc" tiếp liền vào đoạn văn đầu viết về "đặt dinh lũy thủy quân tuần tiễu ở hai cửa biển Đông và Tây". Điều này không đúng với nguyên bản *Vũ Kinh Tổng Yếu.* Đây chỉ là sự cố gán ghép "đầu Ngô mình Sở" để cố minh chứng việc tuần tiễu thủy quân đời Tống qua đất "Cửu Nhũ Loa Châu" mà nhóm này cho là Tây Sa.

Còn việc tuần tiễu của Ngô Thăng, trước hết tìm hiểu vị trí các địa danh trên, chúng ta được biết Quỳnh Nhai là thủ phủ Quỳnh Châu ở phía bắc đảo Hải Nam, Đồng Cổ là quả núi cao 339m ở phía đông bắc đảo Hải Nam, Thất Châu Dương là phía đông đảo Hải Nam, Tư Canh Sa là bãi cát phía tây đảo Hải Nam. Đây chỉ là cuộc tuần tiễu của Ngô Thăng quanh đảo Hải Nam, chứ không đến Tây Sa,

nên nhớ rằng Thất Châu Dương ở phía đông đảo Hải Nam nên không hề là Tây Sa tức Hoàng Sa của Việt Nam, vốn cách Hải Nam hơn 350 hải lý về phía đông nam.

3.

Các đảo Nam Hải đã được vẽ vào bản đồ Trung Quốc. Các tác giả bộ sưu tập do Hàn Chấn Hoa chủ biên cũng rất "công phu" đưa ra 13 bản đồ và chia làm hai loại. Một loại là bản đồ Trung Quốc thời Minh Thanh có vẽ các đảo Nam Hải. Một loại khác là bản đồ Trung Quốc thời Minh Thanh và các nước phiên thuộc, cũng có vẽ các đảo Nam Hải.

Bằng chứng thuyết phục

Có rất nhiều bản đồ chính thức của Trung Quốc từ đời Nguyên, Minh đến Thanh, trong đó có bản đồ ấn bản gần thời điểm có tranh chấp như bản đồ Đại Thanh Đế Quốc trong Đại Thanh Đế Quốc toàn đồ, xuất bản năm 1905, tái bản lần thứ tư năm 1910 đã vẽ cực nam của lãnh thổ Trung Quốc là đảo Hải Nam, không vẽ bất cứ hải đảo nào khác ở biển Đông.

Máy bay Trung Quốc ở Hoàng Sa. Hiện Trung Quốc đã tổ chức tour du lịch tham quan Hoàng Sa chỉ dành cho người Trung Quốc!

Bản đồ *Hoàng Triều Nhất Thống dư địa tổng đồ* trong cuốn *Hoàng Thanh Nhất Thống dư địa toàn đồ* xuất bản năm Quang Tự 20 (1894) đã ghi rõ cực nam lãnh thổ Trung Quốc là Nhai Châu, phủ Quỳnh Châu, Quảng Đông ở 18 độ 30 phút Bắc, trong khi Tây Sa hay Hoàng Sa được Trung Quốc đặt tên, có đảo ở vị trí cao nhất là 17 độ 5 phút. Điều này chứng tỏ Tây Sa hay Hoàng Sa chưa hề là lãnh thổ của Trung Quốc.

Trong khi đó, ngay tài liệu của chính người Trung Quốc như *Hải Ngoại Ký Sự* của Thích Đại Sán đã cho biết Chúa Nguyễn sai thuyền khai thác các sản vật từ các tàu bị đắm ở Vạn Lý Trường Sa, tức Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Các tư liệu chứng minh chủ quyền của Việt Nam đã xuất hiện liên tục qua các đời: từ đầu thời Chúa Nguyễn (tức đầu thế kỷ XVII), sang thời Tây Sơn rồi tới triều Nguyễn (từ vua Gia Long), Việt Nam có khoảng gần 30 tư liệu các loại, đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam hết sức rõ ràng.

Thời kỳ Đại Việt, từ thời kỳ Nam Bắc phân tranh và thời Tây Sơn, nguồn tư liệu về Hoàng Sa hầu như chỉ còn lại tư liệu của chính quyền họ Trịnh ở Bắc Hà, chủ yếu là Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư, năm 1686, trong *Hồng Đức Bản Đồ* hay *Toản Tập An Nam Lộ* trong sách *Thiên Hạ bản đồ* và *Phủ Biên Tạp Lục,* năm 1776 của Lê Quý Đôn.

Trong *Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư* hay *Toản Tập An Nam Lộ,* năm 1686 có bản đồ là tài liệu xưa nhất, ghi rõ hàng năm họ Nguyễn đưa 18 chiến thuyền đến khai thác ở Bãi Cát Vàng. Còn tài liệu trong *Phủ Biên Tạp Lục* của Lê Quý Đôn, năm 1776 là tài liệu cổ, mô tả kỹ càng nhất về Hoàng Sa, quyển 2 có hai đoạn văn đề cập đến việc Chúa Nguyễn xác lập chủ quyền của Đại Việt tại Hoàng Sa bằng hoạt động của đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải.

Sang thời kỳ triều Nguyễn từ năm 1802 đến năm 1909, có rất nhiều tài liệu chính sử minh chứng chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa:

- *Dư Địa Chí* trong bộ Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí của Phan Huy Chú (1821) và sách Hoàng Việt Địa Dư Chí (1833). Nội dung về Hoàng Sa của hai cuốn sách trên có nhiều điểm tương tự như trong *Phủ Biên Tạp Lục* của Lê Quý Đôn cuối thế kỷ XVIII.

- *Đại Nam Thực Lục* phần tiền biên, quyển 10 (soạn năm 1821, khắc in năm 1844) tiếp tục khẳng định việc xác lập chủ quyền của Đại Việt cũng bằng hoạt động của đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải.

- *Đại Nam Thực Lục* Chính biên đệ nhất kỷ (khắc in năm 1848); đệ nhị kỷ (khắc in xong năm 1864); đệ tam kỷ (khắc in xong năm 1879) có cả thảy 11 đoạn viết về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa với nhiều nội dung mới, phong phú, rất cụ thể về sự tiếp tục xác lập chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

- Tài liệu rất quí giá là châu bản triều Nguyễn (thế kỷ XIX), hiện đang được lưu trữ tại kho lưu trữ trung ương 1 ở Hà Nội. Ở đó người ta tìm thấy những bản tấu, phúc tấu của các đình thần các bộ như Bộ Công, và các cơ quan khác hay những dụ của các nhà vua về việc xác lập chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa dưới triều Nguyễn như việc vãng thám, đo đạc, vẽ họa đồ Hoàng Sa, cắm cột mốc... Năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) có chỉ đình hoãn kỳ vãng thám, sau đó lại tiếp tục.

- Trong bộ sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* (1882 soạn xong, 1910 soạn lại lần hai và khắc in) xác định Hoàng Sa thuộc về tỉnh Quảng Ngãi và tiếp tục khẳng định hoạt động đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải do đội Hoàng Sa kiêm quản...

Ngoài ra các bản đồ cổ của Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX đều vẽ Bãi Cát Vàng hay Hoàng Sa và Vạn Lý Trường Sa trong cương vực của Việt Nam.

Về những tư liệu của Trung Quốc và phương Tây minh chứng chủ quyền Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, người ta thấy:

- *Hải Ngoại Ký Sự* của Thích Đại Sán (người Trung Quốc) năm 1696. Trong quyển 3 của *Hải Ngoại Ký Sự* đã nói đến Vạn Lý Trường Sa khẳng định Chúa Nguyễn đã sai thuyền ra khai

thác các sản vật từ các tàu đắm trên quần đảo Vạn Lý Trường Sa.

- Các bản đồ cổ Trung Quốc do chính người Trung Quốc vẽ từ năm 1909 trở về trước đều minh chứng Tây Sa và Nam Sa không thuộc về Trung Quốc.

Khảo sát tất cả bản đồ cổ của Trung Quốc từ năm 1909 trở về trước, người ta thấy tất cả bản đồ cổ nước Trung Quốc do người Trung Quốc vẽ không có bản đồ nào có ghi các quần đảo Tây Sa, Nam Sa. Tất cả bản đồ cổ ấy đều xác định đảo Hải Nam là cực nam của biên giới phía nam của Trung Quốc.

Sau khi Trung Quốc dùng vũ lực chiếm đóng Hoàng Sa tháng 1-1974, nhiều đoàn khảo cổ Trung Quốc đến các đảo thuộc quần đảo này và gọi là "phát hiện" nhiều cổ vật như tiền cổ, đồ sứ, đồ đá chạm trổ trên các hòn đảo này, song đều không có giá trị gì để minh xác chủ quyền Trung Quốc, trái lại họ lại phát hiện ở mặt bắc ngôi miếu "Hoàng Sa Tự" ở đảo Vĩnh Hưng, tức đảo Phú Lâm (Ile Boisée), lại là bằng chứng hiển nhiên vết tích của việc xác lập chủ quyền của Việt Nam.

Nhà Nguyễn thực thi chủ quyền

Hãn Nguyên Nguyễn Nhã

Diễu binh ở Trường Sa - ảnh: Tấn Tú

Năm 1816, Vua Gia Long ban lệnh cho thủy quân với sự hướng dẫn của dân binh đội Hoàng Sa đi xem xét, đo đạc thủy trình ở quần đảo Hoàng Sa khi ấy bao gồm cả Trường Sa (Đại Nam Thực Lục Chính Biên, đệ nhị kỷ, quyển 52).

Chính hoạt động lần đầu tiên của thủy quân này đã đánh dấu mốc thời gian rất quan trọng về việc tái xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa, nên đã khiến cho những người phương Tây như Chaigneau hay sau này là Taberd khẳng định Vua Gia Long đã chính thức xác lập chủ quyền của mình như đã nói trên. Thực ra sự kiện năm 1816 chỉ đánh mốc là Hoàng đế Gia Long sử dụng thủy quân thay vì chỉ có đội Hoàng Sa xem xét, đo đạc thủy trình, khai thác hải vật như trước.

Thời nhà Nguyễn, nhất là từ thời Minh Mạng, thủy quân hằng năm liên tục đã thành lệ đều đặn ra Hoàng Sa, Trường Sa đi vãng thám, đo đạc thủy trình, cắm cột mốc, dựng bia chủ quyền, và các hoạt động khác trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa...

Lực lượng thủy quân làm nhiệm vụ xác lập và thực thi chủ quyền này là một "lực lượng đặc nhiệm" gồm kinh phái, tỉnh phái và dân binh địa phương trong có dân binh đội Hoàng Sa. Kinh phái đứng đầu là thủy quân cai đội hay thủy quân chánh đội trưởng chỉ huy cùng với lực lượng thủy quân lấy trong vệ thủy quân đóng ở kinh thành hay ở cửa Thuận An. Ngoài thủy quân kinh phái còn các viên

giám thành trong vệ giám thành, là những chuyên viên vẽ bản đồ như đã trình bày ở trên. Tỉnh phái là các viên chức ở tỉnh Quảng Ngãi có nhiệm vụ phối hợp với kinh phái trong công tác hướng dẫn, cung cấp dân công, lo xây dựng, đồng thời còn điều động binh dân ở tỉnh Quảng Ngãi. Có khi gồm cả dân binh tỉnh Bình Định như trong chuyến công tác năm 1835 và 1837.

Nhiệm vụ của "lực lượng đặc nhiệm" luôn được hoàng đế Việt Nam theo sát và ra chỉ dụ cụ thể nhất là dưới triều vua Minh Mạng, Thiệu Trị, cho ta thấy nhiệm vụ của lực lượng đặc nhiệm này quan trọng đến chừng nào.

Cũng chính Vua Minh Mạng ra chỉ dụ nói rõ việc làm cụ thể của từng chuyến đi. Tỷ như năm Minh Mạng thứ 17 (1836), Bộ Công tâu trình lên vua về chuyến vãng thám Hoàng Sa của thủy quân, chính đội trưởng Phạm Hữu Nhật, Vua Minh Mạng phê sửa (châu cải): "Báo gấp cho Quảng Ngãi thực thụ ngay, giao cho tên ấy (Phạm Hữu Nhật) nhận biên" và rồi Vua Minh Mạng lại phê (châu phê): "Thuyền nào đi đến đâu, cắm mốc tới đó để lưu dấu". Cũng chính Vua Minh Mạng theo dõi các chuyến đi công tác Hoàng Sa bao gồm Trường Sa và đã nhiều lần ra chỉ dụ thưởng phạt. Thường dân binh đội Hoàng Sa Quảng Ngãi, Bình Định luôn được thưởng 1 hay 2 quan tiền và miễn thuế về sự cực khổ vất vả theo đoàn. Còn các viên chỉ huy như cai đội, chánh suất đội, các viên chức tỉnh phái mà chậm trễ đều bị tội.

Dưới triều Vua Minh Mạng, thủy quân mới được tổ chức thật quy củ có nhiệm vụ ngoài việc đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ còn có cắm cột mốc, dựng bia chủ quyền quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đại Nam Nhất Thống Chí, quyển 6 đã ghi chép rằng trước năm Minh Mạng thứ 16, nhà vua sai quân lính ra dựng bia đá làm dấu đã thấy phía Tây Nam đảo có ngôi cổ miếu, không biết kiến thiết vào thời đại nào và có bia khắc bốn chữ "Vạn Lý Ba Bình". Như thế trước thời Minh Mạng đã có việc khắc bia, dựng miếu chùa rồi.

Đến năm Minh Mạng thứ 14 (1833), Vua Minh Mạng đã chỉ thị cho Bộ Công sang năm Minh Mạng thứ 15 (1834) phái người ra dựng bia chủ quyền. Đại Nam Thực Lục Chính Biên đệ nhị kỷ, quyển 165 cũng đã chép rất rõ từ năm Minh Mạng thứ 17 (1836), Bộ Công tâu vua cứ hằng năm cử người ra Hoàng Sa bao gồm Trường Sa ngoài việc đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ và còn cắm cột mốc, dựng bia. Tập tấu của Bộ Công ngày 12 tháng 2 năm Minh Mạng 17 (1836) với lời châu phê của Vua Minh Mạng cũng đã nêu rất rõ: "Mỗi thuyền vãng thám Hoàng Sa phải đem theo 10 tấm bài gỗ (cột mốc) dài 4, 5 thước, rộng 5 tấc". Đại Nam Thực Lục Chính Biên, đệ nhị kỷ, quyển 6 còn ghi rõ: "Vua Minh Mạng đã y theo lời tâu của Bộ Công sai suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật đưa binh thuyền đi, đem theo 10 cái bài gỗ dựng làm dấu mốc. Mỗi bài gỗ dài 5 thước rộng 6 tấc và dày 1 tấc, mặt bài khắc những chữ: "Minh Mạng Thập Thất Niên Bính Thân thủy quân chánh đội trưởng suất đội Phạm Hữu Nhật phụng mệnh vãng Hoàng Sa tương đồ chí thử, hữu chí đẳng tư (tờ 25b)". (Năm Minh Mạng thứ 17, năm Bính Thân, thủy quân chánh đội trưởng suất đội Phạm Hữu Nhật, vâng mệnh ra Hoàng Sa xem xét đo đạc, đến đây lưu dấu để ghi nhớ).

Mỗi năm, cột mốc đều khắc rõ niên hiệu, năm, chức vụ, họ tên viên chỉ huy "lực lượng thủy quân đặc nhiệm", được phụng mệnh ra Hoàng Sa và ghi dấu để nhớ. Nếu chỉ tính sử sách có ghi rõ tên những người chỉ huy đội thủy quân đặc nhiệm của các năm cụ thể thời Minh Mạng như cai đội thuyền Phạm Văn Nguyên năm Minh Mạng thứ 16 (1835), chánh đội trưởng suất đội Phạm Hữu Nhật năm Minh Mạng thứ 17 (1836), thủy sư suất đội Phạm Văn Biện năm Minh Mạng thứ 18 (1837), thì số đảo được đánh mốc cũng rất đáng kể. Mỗi thuyền 10 bài gỗ. Mỗi năm 4-5 thuyền có thể cắm mốc tối đa 40 - 50 cột mốc tại các đảo, song rất khó tổng kết tổng cộng trên thực tế cắm cột mốc được bao nhiêu đảo.

Các vị vua chúa Việt Nam, nhất là thời vua Minh Mạng cũng rất quan tâm đến việc dựng chùa miếu và trồng cây tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Năm Minh Mạng thứ 16 (1835), vua đã chuẩn y lời tâu của Bộ Công cho tỉnh Quảng Ngãi cất miếu Hoàng Sa một gian theo thể chế nhà đá. Việc dựng miếu này theo Đại Nam Thực Lục Chính Biên đệ nhị kỷ, quyển 154, đã cho biết rõ năm Minh Mạng thứ 15 (1834) đã không thực hiện việc xây dựng miếu như dự kiến mà đến mãi đầu tháng 6 mùa hạ, năm Minh Mạng thứ 16 (1835), vua Minh Mạng đã cử cai đội thủy quân là Phạm Văn Nguyên đem lính và giám thành cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định chuyên chở vật liệu đến dựng miếu cách tòa miếu cổ 7 trượng. Bên trái miếu, phía trước miếu xây bình phong. Mười ngày làm xong việc chứ không như các đoàn khác có nhiệm vụ lâu dài hơn.

Thường ba mặt miếu Hoàng Sa bên trái, bên phải và đằng sau đều trồng các loại cây. Theo Việt Sử Cương Giám Khảo Lược của Nguyễn Thông, thì các quân nhân đến đảo thường đem những hạt quả thủy nam mà rải ở trong và ngoài miếu, mong cho mọc cây để tìm dấu mà nhận. Như thế cây trồng ở Hoàng Sa bao gồm Trường Sa chủ yếu trồng bằng cách gieo hạt, quả chứ không trồng theo kiểu trồng loại cây con. Đó cũng hợp lý vì mang cây con ra biển đi trên thuyền nhỏ như thế cũng khó khăn, khó bảo dưỡng được cây sống để mà trồng. Thời gian hoạt động hằng năm của thủy quân vào cuối mùa khô, kéo dài sang mùa mưa nhiều tháng trời, rất thuận lợi cho việc gieo hạt trồng cây. Ý của vua Minh Mạng sai trồng cây cũng cho rằng gần đây thuyền buôn thường bị hại, nên trồng cây cũng cốt làm dấu dễ nhận ra đảo mà tránh thuyền bị tai nạn đâm vào đảo...

Hãn Nguyên Nguyễn Nhã, Tiến sĩ Sử học

Sự thành lập và hoạt động của đội Hoàng Sa

Hãn Nguyên Nguyễn Nhã

Hoạt động lần đầu tiên không thể chối cãi của thủy quân Đại Việt đã đánh dấu mốc thời gian rất quan trọng về việc xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo.

Đội Bắc Hải hoạt động dưới sự kiêm quản của đội Hoàng Sa trong khu vực phía Nam của biển Đông tức quần đảo Trường Sa và vùng phụ cận.

Dưới thời Đại Việt, Chúa Nguyễn cai quản Nam Hà, càng ngày càng có nhiều đội khác như đội Bắc Hải được thành lập, vì chính quyền Chúa Nguyễn dần dần tìm ra các đảo san hô hết sức rộng ở biển Đông. Song các chúa Nguyễn vẫn để đội Hoàng Sa kiêm quản để có một đầu mối, hầu có thể dễ dàng nắm tình hình ở biển Đông. Người chỉ huy đội Hoàng Sa là cai đội phải là vị quan lớn như cai đội Thuyên Đức Hầu đã được Lê Quý Đôn tra cứu sổ sách suốt từ 1702 (Nhâm Ngọ) đến 1713 (Qúi Tỵ). Thuyên Đức Hầu đã được phong tước hầu. Hoặc như Phú Nhuận Hầu cũng thế trong tờ trình ngày 1 tháng 10 năm Gia Long thứ 2 (1803) đã kiêm luôn "khâm sai cai thủ" cửa biển Sa Kỳ, kiêm chức "cai cơ thủ ngự", kiêm quản đội Hoàng Sa (tờ kê trình của Phú Nhuận Hầu được lưu giữ tại nhà thờ họ Võ, phường An Vĩnh, nay là thôn Tây, xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi). Khâm sai cai thủ là chức trông coi cửa biển, thủ ngự là tổ chức tuần tra, chống trộm cướp thời Nguyễn. Chính Phú Nhuận Hầu được giao nhiều chức vụ quan trọng. Cũng từ đó có uy tín để kiêm quản các đội khác như đội Bắc Hải. Đội Bắc Hải cũng là một tổ chức dân binh thời Chúa Nguyễn mở cõi.

Trước đây trong một thời gian dài, người Việt và người phương Tây đều tưởng ở giữa biển Đông chỉ có một quần đảo dài, đều gọi một tên chung, rất nhất quán. Người Việt gọi là Bãi Cát Vàng hay Cồn Vàng hoặc Hoàng Sa. Hoặc có khi gọi là Đại Trường Sa hay Vạn Lý Trường Sa. Mãi đến năm 1787-1788, khi đoàn khảo sát Kergariou Locmaria xác định rõ ràng và chính xác vị trí của quần đảo Paracel như hiện nay, người phương Tây mới bắt đầu phân biệt quần đảo Paracel ở phía Bắc với quần đảo ở phía Nam mà sau này đến thập niên 40 trong thế kỷ XX người Pháp mới gọi là Spratly chỉ chung cho quần đảo Trường Sa. Người Pháp gọi là Archipel

Phủ Biên Tạp Lục, quyển 2 của Lê Quý Đôn đã ghi chép rất cụ thể việc đội Bắc Hải như sau:

"Họ Nguyễn còn thiết lập một đội Bắc Hải. Đội này không định trước bao nhiêu suất. Hoặc chọn người thôn Tứ Chính (ở gần bờ biển) thuộc phủ Bình-Thuận, hoặc chọn người làng Cảnh-Dương lấy những người tình nguyện bổ sung vào đội Bắc-Hải. Ai tình nguyện đi thì cấp giấy sai đi và chỉ thị sai phái đội ấy đi làm công tác".

"Những người được bổ sung vào đội Bắc-Hải đều được miễn nạp tiền sưu cùng các thứ tiền lặt vặt như tiền đi qua đồn tuần, qua đò.

des ýles Spratly, người Anh, Mỹ gọi là Spratley Islands hay Spratlies. Trung Quốc gọi là Nansha (Nam Sa) hay Nan Wei quần đảo, Philippines gọi là Kalayaan. Nhật gọi là Shinnan Guto.

Quần đảo Trường Sa cách quần đảo Hoàng Sa hiện nay tính đến đảo gần nhất vào khoảng 350 hải lý, đảo xa nhất 500 hải lý, cách Vũng Tàu 305 hải lý, Cam Ranh 250 hải lý, đảo Phú Quốc 240 hải lý, cách Bình Thuận (Phan Thiết) 270 hải lý.

Những người trong đội đi thuyền câu nhỏ ra các xứ Bắc-Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo thuộc vùng Hà-Tiên để tìm kiếm, lượm nhặt những hạng đồi-mội, hải-ba, đồn-ngư (cá heo lớn như con heo), lục-quý-ngư, hải-sâm (con đỉa biển)".

Như thế về tổ chức, đội Bắc Hải không định trước bao nhiêu suất, số lượng tùy theo tình hình khả năng các thôn Tứ Chính thuộc phủ Bình Thuận hay làng Cảnh Dương, tình nguyện và được cấp văn bằng và sai phái đi hoạt động.

Quyền lợi cũng như đội khác được miễn sưu cùng các thứ tiền lặt vặt như tiền đi qua đồn tuần, qua đò. Không thấy miễn tiền thuế. Cũng dùng thuyền tư nhân, thuyền câu. Phạm vi hoạt động ở phía Nam, ở quần đảo Trường Sa ngày nay, và cả Côn Lôn, Hà Tiên.

Ở phía Nam Biển Đông khu vực Trường Sa hiện nay ít có bão lớn, không nguy hiểm, ít có vụ đắm tàu nên rất ít thu lượm được các sản vật từ tàu đắm như vàng bạc, súng ống mà chủ yếu là hải sản, đặc biệt là loại cá heo (đồn ngư)...

Đội Bắc Hải được các tài liệu ở các thời gian sau (thế kỷ XIX) tiếp tục ghi chép. Đại Nam Thực Lục Tiền Biên soạn xong năm 1844 chép rằng đội Bắc Hải mộ dân thôn Bình Thuận, Tứ Chính hoặc xã Cảnh Dương, được lệnh cưỡi thuyền nhỏ ra các đảo ở Bắc Hải lượm hóa vật, cũng do đội Hoàng Sa kiêm quản. Đại Nam Nhất Thống Chí quyển 6, tỉnh Quảng Ngãi, soạn xong năm 1882 cũng còn viết "đội Bắc Hải ra đảo Côn Lôn tìm lấy hải vật cũng do đội Hoàng Sa kiêm quản". Không có tài liệu nào cho biết đội Bắc Hải ngưng hoạt động trước hay sau đội Hoàng Sa, chỉ biết chắc chắn đội Bắc Hải ra đời sau đội Hoàng Sa và trước năm 1776 tức là trước khi Lê Quý Đôn viết Phủ Biên Tạp Lục.

Sự nhầm lẫn có chủ ý về Hiệp ước Pháp-Thanh

Trung Hoa ngày xưa đã viện dẫn Hiệp ước Pháp – Thanh ký năm 1887 để khẳng định rằng Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về mình. Sau này, phát ngôn viên của Trung Quốc và các tác giả Trung Quốc đều nhiều lần dùng Hiệp ước này để khẳng định Hoàng Sa thuộc về Trung Quốc.

Thực sự, Hiệp ước này không phải là hiệp ước phân chia những đảo ở ngoài xa khơi (*high sea*) giữa toàn bộ nước Việt Nam và Trung Hoa mà chỉ ấn định biên giới giữa miền Bắc Việt Nam và Trung Hoa. Ngày nay, trong những cuộc đàm phán, Trung Quốc không nhắc đến Hiệp ước này nữa. Nhưng cho đến hiện tại, không ít các tác giả mà phần lớn là những tác giả Trung Hoa sống ở nước ngoài viết về vấn đề này, vẫn viện dẫn Hiệp ước 1887 như một trong những lý lẽ chính để chứng minh là hai quần đảo thuộc về Trung Quốc.

Trung Quốc một mặt nói rằng Hiệp ước 1887 áp dụng cho Hoàng Sa và Trường Sa, là những đảo nằm ngoài khơi xa, nhưng mặt khác, khi bàn về biên giới vùng Bắc Bộ thì Trung Quốc lại khẳng định rằng Hiệp ước này chỉ phân chia "những đảo ở vùng Bắc Bộ", chứ không phải là biên giới biển. Ảnh: Phạm Tuấn

Và một số các tác giả phương Tây, có lẽ vì ảnh hưởng dây chuyền, dùng những bài viết trên, nên cũng kết luận là Hiệp ước này trao cho Trung Hoa chủ quyền trên các đảo tranh chấp. Vì vậy, thiết tưởng cũng nên làm sáng tỏ sự lầm lẫn này, vì ảnh hưởng dây chuyền của nó trong dư luận thế giới.

Một số tác giả trên đã trích đoạn sau đây của Hiệp ước để khẳng định chủ quyền của Trung Quốc.

"Từ Quảng Đông, những điểm tranh chấp nằm từ phía đông đến phía tây bắc của Móng Cái, ngoài biên giới đã được hai phái bộ xác định, có thể coi là thuộc về Trung Quốc. Những hòn đảo nằm ở phía đông dọc đường kinh tuyến đông 105°43' của Paris, có nghĩa là trục bắc-nam đi qua điểm phía đông của đảo Tch'a Kou hay Ouan-Chan (Trà Cổ) và làm thành đường biên giới, cũng thuộc về Trung Quốc. Các đảo Go-tho và các đảo khác nằm phía tây của đường kinh tuyến thuộc về An Nam."

Các tác giả trên lý luận rằng vì Hoàng Sa và Trường Sa nằm ở phía đông kinh tuyến Paris 105°43' nên thuộc về Trung Quốc.

Có tác giả cho rằng phải giải thích Hiệp ước theo sát nghĩa lời văn trong Hiệp ước. Thực ra, nếu giải thích sát nghĩa, thì phải hiểu Hiệp ước 1887 là một hiệp ước phân chia biên giới giữa miền Bắc Việt Nam và Trung Hoa mà thôi, chứ không phải chia các đảo ở ngoài xa khơi (*high sea, haute mer),* không thuộc vùng biển của miền Bắc Việt Nam. Chỉ cần nhìn tên của Hiệp ước cũng đủ để thấy điều đó. Tên Hiệp ước là "*Convention relative à la delimitation de la frontière entre la Chine et* ***le Tonkin."***

Hơn nữa, Công ước Vienne về điều ước quốc tế có ấn định rằng một hiệp ước phải được giải thích sát nghĩa những từ được dùng trong hiệp ước, nhưng nếu phương pháp này đưa đến một sự "vô lý hay ngu xuẩn", thì có thể dùng những tài liệu hoặc hiệp ước khác, có liên quan đến hiệp ước này, hoặc tìm hiểu mục đích của hiệp ước để giải thích những điểm không rõ rệt.

Dựa vào những điều khoản trên của Công ước Vienne, chúng ta có thể xét Hiệp ước 1887 theo ba phương pháp: 1) xét sát nghĩa lời văn của Hiệp ước, 2) xét toàn thể bản Hiệp ước, và 3) tìm hiểu mục đích của Hiệp ước.

Xét sát nghĩa lời văn bản Hiệp ước

Việc này thật ra rất đơn giản trong trường hợp Hiệp ước 1887, như đã nói trên, chỉ cần nhìn tên của Hiệp ước trên bản chính bằng tiếng Pháp, cũng đủ thấy Hiệp ước này chỉ liên quan đến biên giới giữa miền Bắc Việt Nam và Trung Hoa. Tiếng Pháp "Tonkin" là miền Bắc Việt Nam. Trong thời thuộc địa, Pháp đã chia Việt Nam ra làm ba kỳ: miền Bắc gọi là Tonkin, miền Trung gọi là An Nam hoặc vẫn giữ tên của cả nước Việt Nam, và miền Nam gọi là Cochinchine. Các tác giả nêu trên tưởng rằng Tonkin là toàn thể nước Việt Nam.

Chữ "*frontière"* dùng trong Điều 2 của Hiệp ước cho thấy rõ ràng là kinh tuyến Paris 105°43' là biên giới biển, nhưng chỉ là biên giới biển thuộc miền Bắc Việt Nam (Tonkin), chứ không phải là đường phân chia các đảo ngoài khơi xa, ngang với miền Trung Việt Nam và miền Nam Việt Nam. Hiệp ước đã ấn định rõ chiều

hướng của biên giới đó là hướng bắc nam, và nó kéo ngang góc đông của đảo Trà Cổ. Và vì đây là biên giới giữa Tonkin và Trung Hoa nên phải hiểu biên giới này chấm dứt ở điểm nào ngang với ranh giới mà trước kia Pháp đã ấn định giữa Tonkin và Annam (tức là ranh giới giữa miền Bắc Việt Nam và miền Trung Việt Nam).

Việc ấn định biên giới giữa miền Bắc Việt Nam và Trung Hoa cũng dễ hiểu nếu nhìn vào cách Pháp chia và quản trị nước Việt Nam thời đó. Nhằm thực hiện chính sách "chia để trị", Pháp đã chia Việt Nam thành ba kỳ với ba chế độ cai trị khác nhau. Miền Bắc theo chế độ bảo hộ, miền Trung – vì hệ thống vua và triều đình Huế vẫn còn (dù chỉ là tượng trưng) – nên theo chế độ tự trị, và miền Nam thì theo chế độ thuộc địa. Ba miền được xem gần như ba xứ riêng biệt. Vì vậy, vấn đề ấn định biên giới chỉ là giữa Tonkin (miền Bắc) và Trung Hoa mà thôi, chứ không phải miền Trung hoặc miền Nam, là chuyện dễ hiểu đối với chính sách thuộc địa của Pháp thời đó. Nói tóm lại, dùng phương pháp giải thích sát nghĩa cho thấy hai chữ "*Tonkin*" và "*frontière*" chỉ rõ đây là biên giới giữa miền Bắc Việt Nam và Trung Hoa. Nó bao gồm biên giới đất và biên giới biển tức là vùng Vịnh Bắc Bộ.

Xét toàn bộ bản Hiệp ước

Toàn bộ bản Hiệp ước không có chỗ nào nói đến Hoàng Sa và Trường Sa. Toàn văn bản Hiệp ước nói đến việc kẻ biên giới giữa miền Bắc Việt Nam và Trung Hoa, và ấn định những điểm mà Uỷ ban kẻ biên giới của hai bên Pháp-Thanh không đồng ý với nhau được, đó là hai đoạn biên giới Vân Nam và Quảng Đông.

Các tác giả nói trên chỉ viện dẫn đoạn liên quan tới đoạn biên giới Quảng Đông. Tuy nhiên, trước đó, Hiệp ước có nói: "Những điểm mà Uỷ ban hai bên không đồng ý với nhau được, và những điều chỉnh được dự trù ở Điều 3 của Hiệp ước 9-6-1885 được ấn định như sau: ở Quảng Đông, những điểm tranh chấp…".

Sau đoạn nói đến biên giới Quảng Đông, tới đoạn ấn định biên giới Vân Nam: "Trên vùng biên giới Vân Nam, đường biên giới được ấn định như sau:…"

Phụ nữ VN ở Hoàng Sa. Ảnh chụp trước năm 1940 (ảnh trong album của Pierre Bodin, tuần báo Le Point (Pháp) ngày 4-3-1974).

Nếu theo sự giải thích của Trung Hoa, là tất cả những đảo nào nằm ở phía đông của kinh tuyến Paris 105°43' thuộc về Trung Hoa, thì không những Hoàng Sa, Trường Sa, mà tất cả các đảo ven bờ biển Việt Nam nằm ở phía đông của kinh tuyến Paris 105°43' đều thuộc về Trung Quốc. Sự giải thích đưa đến một kết luận "vô lý hoặc ngu xuẩn" (*absurd or unreasonable*) theo đúng như danh từ mà Công ước Vienne dùng. Do đó, chúng ta có thể tìm hiểu mục đích

của Hiệp ước 1887 bằng cách xét các tài liệu và các hiệp ước liên quan đến Hiệp ước 1887.

Mục đích của Hiệp ước 1887

Nếu đọc bản báo cáo của ông Dureau de Vaulcomte gửi cho Bộ Ngoại giao Pháp giải thích Hiệp ước 1887, chúng ta càng thấy rõ hơn mục đích của Hiệp ước là kẻ hai đoạn tranh chấp của biên giới miền Bắc Việt Nam và Trung Hoa. Hiệp ước 1887 được ký thể theo Điều 3 của Hiệp ước 1885 là một hiệp ước hữu nghị nhằm chấm dứt sự xung đột giữa hai bên Pháp – Thanh. Sau khi Pháp đưa quân đến Việt Nam thì ba Tổng đốc: Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam cho quân vượt biên giới giữa Bắc Việt Nam và Trung Hoa. Vì vậy, để chấm dứt tình trạng này và vãn hồi lại biên giới cũ, Pháp đã thoả thuận với Trung Hoa ở Điều 3 của Hiệp ước 1885, là hai bên sẽ lập một Uỷ ban kẻ biên giới gồm chuyên viên của cả hai bên để kẻ lại biên giới. Hiệp ước 1885 cũng ấn định là nếu có điểm bất đồng giữa chuyên viên của hai bên về bất cứ điểm nào liên quan đến việc kẻ biên giới thì Uỷ ban này sẽ chuyển vấn đề sang cho chính quyền hai bên xét xử. Biên giới được kẻ chia ra làm ba đoạn: đoạn biên giới Quảng Tây, đoạn biên giới Quảng Đông, và đoạn biên giới Vân Nam. Việc ấn định đoạn Quảng Tây không gặp rắc rối gì, nhưng hai bên không thoả thuận được trong việc kẻ hai đoạn biên giới Quảng Đông và Vân Nam. Từ đó mới có Hiệp ước 1887 do hai chính quyền ký để giải quyết hai đoạn biên giới trên.

Tại Quảng Đông, sự bất đồng liên quan đến vùng Paklung (Bạch Long) và những đảo quanh đó. Vì có quân thổ phỉ từ Trung Hoa sang tập trung ở vùng này, nên Pháp đã đưa quân đến chiếm đóng. Trung Hoa phản đối, đòi vùng này là vùng của Trung Hoa. Do đó, mới xảy ra sự tranh chấp.

Như vậy, sự tranh chấp không liên quan đến Hoàng Sa và Trường Sa. Lúc đó, Trung Hoa chưa để ý đến hai quần đảo này, và Pháp cũng chưa biết rằng Việt Nam đã có chủ quyền trên hai quần đảo đó. Vì thế lúc đó chưa hề có tranh chấp trên hai quần đảo này. Cho nên, Pháp và Trung Hoa khi ký kết Hiệp ước 1887 không hề nghĩ đến hai quần đảo này. Tóm lại, mục đích của Hiệp ước 1887 là kẻ hai đoạn biên giới Quảng Đông và Vân Nam; và đường biên giới kẻ theo Điều 2 của Hiệp ước 1887 chỉ giới hạn ở biên giới miền Bắc Việt Nam và Vịnh Bắc Bộ mà thôi.

Trung Quốc một mặt nói rằng Hiệp ước 1887 áp dụng cho Hoàng Sa và Trường Sa, là những đảo nằm ngoài khơi xa, nhưng mặt khác, khi bàn về biên giới vùng Bắc Bộ thì Trung Quốc lại khẳng định rằng Hiệp ước này chỉ phân chia "những đảo ở vùng Bắc Bộ", chứ không phải là biên giới biển. Ngày 12 tháng 5 năm 1973, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc Hàn Niệm Long (Han Nian Long) đã tuyên bố điều nói trên. Như vậy, Trung Quốc tự mâu thuẫn.

- **Tiến sỹ Từ Đặng Minh Thu** *(Đại học Sorbonne - Pháp)*